NLMK

Tra cứu mác thép theo nhà sản xuất

Tóm tắt dữ liệu

Bảng dữ liệu mác thép	25
Giá trị đã công bố	76
Tần số có dữ liệu công bố	50 Hz
Dải mật độ từ thông đã công bố	1.7 T
Số mức mật độ từ thông	1

Đặc tính ở 50 Hz

Số thứ tự	Nhà sản xuất / Mác thép	Độ dày mm	Đặc tính	Điểm thử	Giá trị	Loại giá trị
1	**M100-23P** NLMK	0.23	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.00** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
2	**M100-23P** NLMK	0.23	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**0.98** W/kg	Giá trị điển hình
3	**M100-27P** NLMK	0.27	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.00** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
4	**M100-27P** NLMK	0.27	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**0.99** W/kg	Giá trị điển hình
5	**M105-30P** NLMK	0.3	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.05** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
6	**M105-30P** NLMK	0.3	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.04** W/kg	Giá trị điển hình
7	**M110-23S** NLMK	0.23	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.10** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
8	**M110-23S** NLMK	0.23	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.03** W/kg	Giá trị điển hình
9	**M110-27P** NLMK	0.27	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.10** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
10	**M110-27P** NLMK	0.27	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.07** W/kg	Giá trị điển hình
11	**M110-30P** NLMK	0.3	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.10** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
12	**M110-30P** NLMK	0.3	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.07** W/kg	Giá trị điển hình
13	**M120-27S** NLMK	0.27	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.20** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
14	**M120-27S** NLMK	0.27	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.13** W/kg	Giá trị điển hình
15	**M120-30S** NLMK	0.3	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.20** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
16	**M120-30S** NLMK	0.3	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.12** W/kg	Giá trị điển hình
17	**M130-30S** NLMK	0.3	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.30** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm

Số thứ tự	Nhà sản xuất / Mác thép	Độ dày mm	Đặc tính	Điểm thử	Giá trị	Loại giá trị
18	**M130-30S** NLMK	0.3	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.26** W/kg	Giá trị điển hình
19	**M90-23Pb** NLMK	0.23	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**0.90** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
20	**M90-23Pb** NLMK	0.23	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**0.89** W/kg	Giá trị điển hình
21	**M95-23P** NLMK	0.23	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**0.95** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
22	**M95-23P** NLMK	0.23	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**0.93** W/kg	Giá trị điển hình
23	**M95-27Pb** NLMK	0.27	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**0.95** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
24	**M95-27Pb** NLMK	0.27	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**0.945** W/kg	Giá trị điển hình
25	**NV23S-90L** NLMK	0.23	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**0.90** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
26	**T100-23D** NLMK	0.23	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.00** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
27	**T100-27D** NLMK	0.27	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.00** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
28	**T105-27S** NLMK	0.27	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.05** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
29	**T105-27S** NLMK	0.27	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.02** W/kg	Giá trị điển hình
30	**T105-30D** NLMK	0.3	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.05** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
31	**T110-23S** NLMK	0.23	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.10** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
32	**T110-27S** NLMK	0.27	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.10** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
33	**T111-30S** NLMK	0.3	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.11** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
34	**T120-27S** NLMK	0.27	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.20** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
35	**T120-30S** NLMK	0.3	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.20** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
36	**T130-30S** NLMK	0.3	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.30** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
37	**T95-23D** NLMK	0.23	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**0.95** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
38	**T95-27D** NLMK	0.27	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**0.95** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm

Đặc tính khác

Không công bố tần số riêng

Số thứ tự	Nhà sản xuất / Mác thép	Độ dày mm	Đặc tính	Điểm thử	Giá trị	Loại giá trị
39	**M100-23P** NLMK	0.23	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.88** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
40	**M100-23P** NLMK	0.23	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.88** T	Giá trị điển hình
41	**M100-27P** NLMK	0.27	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.88** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm

Số thứ tự	Nhà sản xuất / Mác thép	Độ dày mm	Đặc tính	Điểm thử	Giá trị	Loại giá trị
42	**M100-27P** NLMK	0.27	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.88** T	Giá trị điển hình
43	**M105-30P** NLMK	0.3	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.88** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
44	**M105-30P** NLMK	0.3	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.87** T	Giá trị điển hình
45	**M110-23S** NLMK	0.23	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.78** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
46	**M110-23S** NLMK	0.23	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.88** T	Giá trị điển hình
47	**M110-27P** NLMK	0.27	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.88** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
48	**M110-27P** NLMK	0.27	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.87** T	Giá trị điển hình
49	**M110-30P** NLMK	0.3	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.88** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
50	**M110-30P** NLMK	0.3	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.87** T	Giá trị điển hình
51	**M120-27S** NLMK	0.27	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.78** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
52	**M120-27S** NLMK	0.27	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.86** T	Giá trị điển hình
53	**M120-30S** NLMK	0.3	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.78** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
54	**M120-30S** NLMK	0.3	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.87** T	Giá trị điển hình
55	**M130-30S** NLMK	0.3	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.78** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
56	**M130-30S** NLMK	0.3	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.85** T	Giá trị điển hình
57	**M90-23Pb** NLMK	0.23	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.88** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
58	**M90-23Pb** NLMK	0.23	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.88** T	Giá trị điển hình
59	**M95-23P** NLMK	0.23	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.88** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
60	**M95-23P** NLMK	0.23	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.88** T	Giá trị điển hình
61	**M95-27Pb** NLMK	0.27	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.88** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
62	**M95-27Pb** NLMK	0.27	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.88** T	Giá trị điển hình
63	**NV23S-90L** NLMK	0.23	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.88** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
64	**T100-23D** NLMK	0.23	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.86** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
65	**T100-27D** NLMK	0.27	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.86** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
66	**T105-27S** NLMK	0.27	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.87** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
67	**T105-27S** NLMK	0.27	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.88** T	Giá trị điển hình
68	**T105-30D** NLMK	0.3	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.87** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm

Số thứ tự	Nhà sản xuất / Mác thép	Độ dày mm	Đặc tính	Điểm thử	Giá trị	Loại giá trị
69	**T110-23S** NLMK	0.23	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.85** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
70	**T110-27S** NLMK	0.27	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.86** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
71	**T111-30S** NLMK	0.3	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.87** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
72	**T120-27S** NLMK	0.27	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.84** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
73	**T120-30S** NLMK	0.3	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.86** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
74	**T130-30S** NLMK	0.3	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.84** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
75	**T95-23D** NLMK	0.23	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.87** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
76	**T95-27D** NLMK	0.27	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.87** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm

Nguồn của nhà sản xuất và điều kiện thử nghiệm

Dùng số bảng và số dòng để tra cứu điều kiện thử nghiệm gốc.

NLMK

Electrical Steel Product Catalogue

Phiên bản 2024 (printed, cover) Tài liệu chính thức

Trang 52 của PDF · Dòng dữ liệu 1

Trang nguồn và phương pháp thử §9 High-permeability grades · Quy định EN 10107, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử

Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M100-23P and T100-23D. P1.7/50 as printed; B/J not declared for loss.

Trang 52 của PDF · Dòng dữ liệu 2

Trang nguồn và phương pháp thử §9 High-permeability grades · Bảng ở mục 9 không nêu phương pháp thử của giá trị điển hình

Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M100-23P and T100-23D. Typical values are listed across the grade row with no EN/GOST-specific allocation.

Trang 52 của PDF · Dòng dữ liệu 3

Trang nguồn và phương pháp thử §9 High-permeability grades · Quy định EN 10107, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử

Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M100-27P and T100-27D. P1.7/50 as printed; B/J not declared for loss.

Trang 52 của PDF · Dòng dữ liệu 4

Trang nguồn và phương pháp thử §9 High-permeability grades · Bảng ở mục 9 không nêu phương pháp thử của giá trị điển hình

Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M100-27P and T100-27D. Typical values are listed across the grade row with no EN/GOST-specific allocation.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 5

Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Quy định EN 10107, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử

Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M105-30P and T105-30D. P1.7/50 as printed; B/J not declared for loss.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 6

Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Bảng ở mục 9 không nêu phương pháp thử của giá trị điển hình

Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M105-30P and T105-30D. Typical values are listed across the grade row with no EN/GOST-specific allocation.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 7

Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Quy định EN 10107, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử

Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M110-23S and T110-23S. P1.7/50 as printed; B/J not declared for loss.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 8

Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Bảng ở mục 9 không nêu phương pháp thử của giá trị điển hình

Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M110-23S and T110-23S. Typical values are listed across the grade row with no EN/GOST-specific allocation.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 9

Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Quy định EN 10107, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử

Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M110-27P and T110-27S. P1.7/50 as printed; B/J not declared for loss.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 10

Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Bảng ở mục 9 không nêu phương pháp thử của giá trị điển hình

Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M110-27P and T110-27S. Typical values are listed across the grade row with no EN/GOST-specific allocation.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 11
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Quy định EN 10107, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M110-30P and T111-30S. P1.7/50 as printed; B/J not declared for loss.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 12
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Bảng ở mục 9 không nêu phương pháp thử của giá trị điển hình
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M110-30P and T111-30S. Typical values are listed across the grade row with no EN/GOST-specific allocation.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 13
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Quy định EN 10107, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M120-27S and T120-27S. P1.7/50 as printed; B/J not declared for loss.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 14
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Bảng ở mục 9 không nêu phương pháp thử của giá trị điển hình
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M120-27S and T120-27S. Typical values are listed across the grade row with no EN/GOST-specific allocation.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 15
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Quy định EN 10107, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M120-30S and T120-30S. P1.7/50 as printed; B/J not declared for loss.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 16
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Bảng ở mục 9 không nêu phương pháp thử của giá trị điển hình
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M120-30S and T120-30S. Typical values are listed across the grade row with no EN/GOST-specific allocation.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 17
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Quy định EN 10107, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M130-30S and T130-30S. P1.7/50 as printed; B/J not declared for loss.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 18
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Bảng ở mục 9 không nêu phương pháp thử của giá trị điển hình
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M130-30S and T130-30S. Typical values are listed across the grade row with no EN/GOST-specific allocation.

Trang 52 của PDF · Dòng dữ liệu 19
Trang nguồn và phương pháp thử §9 High-permeability grades · Quy định EN 10107, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M90-23Pb and NV23S-90L. P1.7/50 as printed; B/J not declared for loss.

Trang 52 của PDF · Dòng dữ liệu 20
Trang nguồn và phương pháp thử §9 High-permeability grades · Bảng ở mục 9 không nêu phương pháp thử của giá trị điển hình
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M90-23Pb and NV23S-90L. Typical values are listed across the grade row with no EN/GOST-specific allocation.

Trang 52 của PDF · Dòng dữ liệu 21
Trang nguồn và phương pháp thử §9 High-permeability grades · Quy định EN 10107, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M95-23P and T95-23D. P1.7/50 as printed; B/J not declared for loss.

Trang 52 của PDF · Dòng dữ liệu 22
Trang nguồn và phương pháp thử §9 High-permeability grades · Bảng ở mục 9 không nêu phương pháp thử của giá trị điển hình
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M95-23P and T95-23D. Typical values are listed across the grade row with no EN/GOST-specific allocation.

Trang 52 của PDF · Dòng dữ liệu 23
Trang nguồn và phương pháp thử §9 High-permeability grades · Quy định EN 10107, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M95-27Pb and T95-27D. P1.7/50 as printed; B/J not declared for loss.

Trang 52 của PDF · Dòng dữ liệu 24
Trang nguồn và phương pháp thử §9 High-permeability grades · Bảng ở mục 9 không nêu phương pháp thử của giá trị điển hình
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M95-27Pb and T95-27D. Typical values are listed across the grade row with no EN/GOST-specific allocation.

Trang 52 của PDF · Dòng dữ liệu 25
Trang nguồn và phương pháp thử §9 High-permeability grades · Quy định STO 05757665-008, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M90-23Pb and NV23S-90L. P1.7/50 as printed; B/J not declared for loss.

Trang 52 của PDF · Dòng dữ liệu 26
Trang nguồn và phương pháp thử §9 High-permeability grades · Quy định GOST 32482, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M100-23P and T100-23D. P1.7/50 as printed; B/J not declared for loss.

Trang 52 của PDF · Dòng dữ liệu 27
Trang nguồn và phương pháp thử §9 High-permeability grades · Quy định GOST 32482, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M100-27P and T100-27D. P1.7/50 as printed; B/J not declared for loss.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 28
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Quy định GOST 32482, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) EN grade designation is not listed. P1.7/50 as printed; B/J not declared for loss.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 29
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Bảng ở mục 9 không nêu phương pháp thử của giá trị điển hình
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) EN grade designation is not listed. Typical values are listed across the grade row with no EN/GOST-specific allocation.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 30
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Quy định GOST 32482, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M105-30P and T105-30D. P1.7/50 as printed; B/J not declared for loss.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 31
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Quy định GOST 32482, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M110-23S and T110-23S. P1.7/50 as printed; B/J not declared for loss.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 32
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Quy định GOST 32482, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M110-27P and T110-27S. P1.7/50 as printed; B/J not declared for loss.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 33
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Quy định GOST 32482, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M110-30P and T111-30S. P1.7/50 as printed; B/J not declared for loss.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 34
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Quy định GOST 32482, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M120-27S and T120-27S. P1.7/50 as printed; B/J not declared for loss.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 35
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Quy định GOST 32482, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M120-30S and T120-30S. P1.7/50 as printed; B/J not declared for loss.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 36
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Quy định GOST 32482, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M130-30S and T130-30S. P1.7/50 as printed; B/J not declared for loss.

Trang 52 của PDF · Dòng dữ liệu 37
Trang nguồn và phương pháp thử §9 High-permeability grades · Quy định GOST 32482, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M95-23P and T95-23D. P1.7/50 as printed; B/J not declared for loss.

Trang 52 của PDF · Dòng dữ liệu 38
Trang nguồn và phương pháp thử §9 High-permeability grades · Quy định GOST 32482, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M95-27Pb and T95-27D. P1.7/50 as printed; B/J not declared for loss.

Trang 52 của PDF · Dòng dữ liệu 39
Trang nguồn và phương pháp thử §9 High-permeability grades · Quy định EN 10107, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M100-23P and T100-23D. B800 as printed.

Trang 52 của PDF · Dòng dữ liệu 40
Trang nguồn và phương pháp thử §9 High-permeability grades · Bảng ở mục 9 không nêu phương pháp thử của giá trị điển hình
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M100-23P and T100-23D. Typical value listed once per paired row, B800.

Trang 52 của PDF · Dòng dữ liệu 41
Trang nguồn và phương pháp thử §9 High-permeability grades · Quy định EN 10107, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M100-27P and T100-27D. B800 as printed.

Trang 52 của PDF · Dòng dữ liệu 42
Trang nguồn và phương pháp thử §9 High-permeability grades · Bảng ở mục 9 không nêu phương pháp thử của giá trị điển hình
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M100-27P and T100-27D. Typical value listed once per paired row, B800.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 43
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Quy định EN 10107, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M105-30P and T105-30D. B800 as printed.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 44
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Bảng ở mục 9 không nêu phương pháp thử của giá trị điển hình
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M105-30P and T105-30D. Typical value listed once per paired row, B800.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 45
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Quy định EN 10107, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M110-23S and T110-23S. B800 as printed.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 46
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Bảng ở mục 9 không nêu phương pháp thử của giá trị điển hình

Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M110-23S and T110-23S. Typical value listed once per paired row, B800.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 47
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Quy định EN 10107, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M110-27P and T110-27S. B800 as printed.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 48
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Bảng ở mục 9 không nêu phương pháp thử của giá trị điển hình
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M110-27P and T110-27S. Typical value listed once per paired row, B800.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 49
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Quy định EN 10107, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M110-30P and T111-30S. B800 as printed.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 50
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Bảng ở mục 9 không nêu phương pháp thử của giá trị điển hình
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M110-30P and T111-30S. Typical value listed once per paired row, B800.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 51
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Quy định EN 10107, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M120-27S and T120-27S. B800 as printed.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 52
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Bảng ở mục 9 không nêu phương pháp thử của giá trị điển hình
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M120-27S and T120-27S. Typical value listed once per paired row, B800.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 53
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Quy định EN 10107, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M120-30S and T120-30S. B800 as printed.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 54
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Bảng ở mục 9 không nêu phương pháp thử của giá trị điển hình
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M120-30S and T120-30S. Typical value listed once per paired row, B800.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 55
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Quy định EN 10107, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M130-30S and T130-30S. B800 as printed.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 56
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Bảng ở mục 9 không nêu phương pháp thử của giá trị điển hình
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M130-30S and T130-30S. Typical value listed once per paired row, B800.

Trang 52 của PDF · Dòng dữ liệu 57
Trang nguồn và phương pháp thử §9 High-permeability grades · Quy định EN 10107, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M90-23Pb and NV23S-90L. B800 as printed.

Trang 52 của PDF · Dòng dữ liệu 58
Trang nguồn và phương pháp thử §9 High-permeability grades · Bảng ở mục 9 không nêu phương pháp thử của giá trị điển hình
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M90-23Pb and NV23S-90L. Typical value listed once per paired row, B800.

Trang 52 của PDF · Dòng dữ liệu 59
Trang nguồn và phương pháp thử §9 High-permeability grades · Quy định EN 10107, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M95-23P and T95-23D. B800 as printed.

Trang 52 của PDF · Dòng dữ liệu 60
Trang nguồn và phương pháp thử §9 High-permeability grades · Bảng ở mục 9 không nêu phương pháp thử của giá trị điển hình
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M95-23P and T95-23D. Typical value listed once per paired row, B800.

Trang 52 của PDF · Dòng dữ liệu 61
Trang nguồn và phương pháp thử §9 High-permeability grades · Quy định EN 10107, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M95-27Pb and T95-27D. B800 as printed.

Trang 52 của PDF · Dòng dữ liệu 62
Trang nguồn và phương pháp thử §9 High-permeability grades · Bảng ở mục 9 không nêu phương pháp thử của giá trị điển hình
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M95-27Pb and T95-27D. Typical value listed once per paired row, B800.

Trang 52 của PDF · Dòng dữ liệu 63
Trang nguồn và phương pháp thử §9 High-permeability grades · Quy định STO 05757665-008, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M90-23Pb and NV23S-90L. B800 as printed.

Trang 52 của PDF · Dòng dữ liệu 64
Trang nguồn và phương pháp thử §9 High-permeability grades · Quy định GOST 32482, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M100-23P and T100-23D. B800 as printed.

Trang 52 của PDF · Dòng dữ liệu 65
Trang nguồn và phương pháp thử §9 High-permeability grades · Quy định GOST 32482, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M100-27P and T100-27D. B800 as printed.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 66
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Quy định GOST 32482, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) EN grade designation is not listed. B800 as printed.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 67
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Bảng ở mục 9 không nêu phương pháp thử của giá trị điển hình
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) EN grade designation is not listed. Typical value listed once per paired row, B800.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 68
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Quy định GOST 32482, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M105-30P and T105-30D. B800 as printed.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 69
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Quy định GOST 32482, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M110-23S and T110-23S. B800 as printed.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 70
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Quy định GOST 32482, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M110-27P and T110-27S. B800 as printed.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 71
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Quy định GOST 32482, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M110-30P and T111-30S. B800 as printed.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 72
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Quy định GOST 32482, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M120-27S and T120-27S. B800 as printed.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 73
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Quy định GOST 32482, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M120-30S and T120-30S. B800 as printed.

Trang 51 của PDF · Dòng dữ liệu 74
Trang nguồn và phương pháp thử §9 Standard grades · Quy định GOST 32482, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M130-30S and T130-30S. B800 as printed.

Trang 52 của PDF · Dòng dữ liệu 75
Trang nguồn và phương pháp thử §9 High-permeability grades · Quy định GOST 32482, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M95-23P and T95-23D. B800 as printed.

Trang 52 của PDF · Dòng dữ liệu 76
Trang nguồn và phương pháp thử §9 High-permeability grades · Quy định GOST 32482, bảng ở mục 9 không nêu bộ gá thử
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) NLMK lists paired designations M95-27Pb and T95-27D. B800 as printed.

Tổng hợp độc lập

Chenfan Electric tổng hợp độc lập từ dữ liệu công bố của các nhà sản xuất thép. Các nhà sản xuất không xác nhận tài liệu này.
Tiêu chí nghiệm thu căn cứ vào thông số kỹ thuật của nhà sản xuất thép và điều khoản đặt hàng bằng văn bản. Giá trị điển hình và giá trị tham khảo dùng để đánh giá.
Dữ liệu thép dải dùng làm tham khảo kỹ thuật. Cần xác minh riêng tổn hao của lõi thành phẩm.
Phiên bản 2026-11-14.2